

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BV  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 9 năm 2018

“*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BV – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông H Trọng Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phan Văn Vinh.  
2. Bà Ngô Thị Kim Quế.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Duy Liệu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bv, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bv tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2018. Tại Tòa án nhân dân huyện Bv, thành phố Hà Nội xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 359/2018/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 27/8/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2018/QĐST – HNGĐ ngày 14/9/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn V, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn 5, xã TM, huyện Bv, Thành phố Hà Nội.

*Có mặt tại phiên tòa.*

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị C, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn 5, xã TM, huyện Bv, Thành phố Hà Nội.

*Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Văn V trình bày:* Năm 2007 anh với cô C lấy nhau vợ chồng có hai con C, năm 2014 anh và cô C đã ly hôn. Ly hôn được một năm thì anh chị quyết định về C sống với nhau vào năm 2015 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện Bv.

Khi về C sống, giữa hai vợ chồng lại bộc lộ nhiều điểm không tương đồng, cuộc sống C vợ chồng có nhiều xung đột. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống C không có hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn.

Con C: Anh và chị C có hai con C là Trần Quốc H, sinh ngày 16/7/2008 và Trần Thị Phương A, sinh ngày 26/8/2012; khi ly hôn, anh xin nhận nuôi hai cháu H và Phương A, không yêu cầu cô C cấp dưỡng nuôi con C.

Tài sản C, nợ C, tài sản riêng: Anh V xác định không có.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2018, cháu Trần Quốc H khai:* Cháu là con của bố V và mẹ C, cháu có biết việc bố làm đơn xin ly hôn với mẹ. Nguyên nhân là do bố mẹ hay cãi nhau. Cháu thấy bố cầm tờ giấy thông báo thụ lý vụ án về nhà và đưa cho mẹ cháu, mẹ cháu có cầm tờ giấy đó và nói “Tòa án muốn giải quyết thế nào thì giải quyết” hai hôm sau mẹ cháu đi khỏi nhà.

Ngày 18/7/2018 Tòa án nhân dân huyện Bv đã tiến hành xác minh, chính quyền địa phương xã TM cho biết: Anh Trần Văn V và chị Lê Thị C là công dân của thôn 5, xã TM, huyện Bv. Cuộc sống C vợ chồng giữa anh V và chị C không có hạnh phúc. Anh V và chị C kết hôn năm 2007, đến năm 2014 anh V và chị C đã được Tòa án nhân dân huyện Bv giải quyết ly hôn. Năm 2015 hai anh chị lại về C sống và thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về C sống giữa hai anh chị lại xảy ra xung đột, cuộc sống C vợ chồng không có hạnh phúc. Nay anh V xin ly hôn với chị C, chính quyền địa phương xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khó có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau khi anh V làm đơn xin ly hôn, chị C đã bỏ đi khỏi địa phương, khi đi chị C không khai báo tạm vắng nên chính quyền địa phương không biết chị C làm gì, ở đâu. Anh V và chị C có hai con C là Trần Quốc H và Trần Thị Phương A, hiện nay hai cháu đang ở với anh V.

\* Tại phiên tòa, anh V vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

\* **Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

+ **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ **Về nội dung vụ án:**

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh V được ly hôn với chị C.

- Về con C: Căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao hai cháu Trần Quốc H, sinh ngày 16/7/2008 và Trần Thị Phương A, sinh ngày 26/8/2012 cho anh Trần Văn V tiếp tục nuôi dưỡng.
- Về tài sản C, riêng, nợ C: Không giải quyết trong vụ án này.
- Về án phí: Anh Trần Văn V phải chịu 300.000<sup>d</sup> án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Chị Lê Thị C đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhưng không đến Tòa án để giải quyết. Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo hòa giải và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị C vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị C lấy nhau năm 2007, năm 2014 do mâu thuẫn vợ chồng, hai anh chị đã được Tòa án nhân dân huyện Bv giải quyết ly hôn bằng quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 22/2014/QĐST – HNGĐ, ngày 26/02/2014. Sau khi ly hôn năm 2015, hai anh chị lại quyết định về C sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình C sống giữa hai anh chị lại xảy ra mâu thuẫn, nên vợ chồng không hạnh phúc. Khi anh V làm đơn đề nghị ly hôn đến Tòa án chị C đã bỏ nhà đi không nói với ai đi đâu làm gì. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho anh V được ly hôn chị C là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 luật HNGĐ.

[3] Về con C: Vợ chồng anh V có 02 con C là Trần Quốc H, sinh ngày 16/7/2008 và Trần Thị Phương A, sinh ngày 26/8/2012. Anh V đề nghị nuôi cả hai con, chị C hiện nay không có mặt tại địa phương. Vì vậy cần áp dụng các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao hai cháu Trần Quốc H và Trần Thị Phương A cho anh Trần Văn V tiếp tục nuôi dưỡng đến khi hai cháu H và A tròn 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu khác, Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị C. Chị C được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con C, không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản C, riêng, nợ C: Anh V không yêu cầu, chị C vắng mặt nên Hội đồng xét xử chưa xem xét. Khi anh V, chị C có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Anh Trần Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14.

#### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn V được ly hôn chị Lê Thị C.
2. Về con C: Giao hai cháu Trần Quốc H, sinh ngày 16/7/2008 và Trần Thị Phương A, sinh ngày 26/8/2012 cho anh Trần Văn V tiếp tục nuôi dưỡng đến khi hai cháu 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu khác, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị C. Chị C được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con C, không ai được ngăn cản.
3. Về tài sản C, riêng, nợ C: Không xem xét.
4. Về án phí: Anh Trần Văn V phải chịu 300.000<sup>d</sup> án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh V đã nộp tại Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Bv ngày 09/7/2018 theo biên lai số 0008664.
5. Quyền kháng cáo: Anh V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- Người tham gia tố tụng
- UBND xã TM.
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***H Trọng Đức***